Traditional Jobs Worksheet

Exercise 1: Rewrite the sentences using QUESTION WORDS + TO-INFINITIVES.

1. I don't know where I can volunteer!

_____

2. Could you tell me how I can support the local food bank?

_____

3. I have no idea when we should organize the neighborhood cleanup.

_____

4. We're not sure where we should build the new community center.

_____

LIVEWORKSHEETS

Exercise 2: Match the words with their Vietnamese meaning.

1. look for	a. cạn kiệt
2. remind somebody of something	b. hư hỏng
3. get on with someone	c. khám phá ra thông tin mới
4. break down	d. nhắc ai nhớ đến điều gì
5. take something away	e. ngăn cản
6. go out	f. lấy đi thứ gì đó
7. pass down	g. tìm kiếm điều gì đó
8. run out of	h. truyền lại
9. look around	i. chăm sóc
10. come back	j. nhìn xung quanh
11. find out	k. hòa hợp với ai
12. take care of	l. nổi tiếng về
13. stop from	m. quay lại
14. famous for	n. ra ngoài

LIVEWORKSHEETS